

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 185/2023/TB-TA ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh ngày 12/10/1995,

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện tại: Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh Đặng Thái L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh ngày 17/5/1993,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện tại: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị L1, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, có đơn và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 06/11/2013. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì cả chị và anh S cùng đi lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên do điều kiện công việc anh chị không ở cùng nhau mà thỉnh thoảng mới gặp nhau. Đến cuối năm 2015 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không chung thủy với chị, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau, từ đó anh chị ít gặp gỡ và không liên lạc với nhau. Tháng 5/2018 hết hạn hợp đồng chị về nước và về nhà bố mẹ đẻ ở, anh S cũng về nghỉ phép và dẫn người phụ nữ khác về nhà anh ở cùng. Anh S có tìm chị để thống nhất việc ly hôn, nhưng do chị tiếp tục đi lao động Đài Loan nên anh chị không làm thủ tục ly hôn được. Hiện tại, anh chị vẫn đang lao động tại Đài Loan, nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của anh S. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 01/01/2013, hiện con đang ở với ông, bà nội. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho bà L1 chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước, chị có trách nhiệm gửi tiền về cho bà L1 chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H ủy quyền cho anh Đặng Thái L thay chị giao nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh S nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh S. Bà Phùng Thị L1 (mẹ đẻ anh S) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh S vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh S biết, anh S trình bày vợ chồng có mâu thuẫn từ lâu, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, chị H có đơn xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng, anh cũng có quan điểm đề nghị được nuôi dưỡng con

chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho bà Phùng Thị Ly t anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà Phùng Thị L1 nhất trí thay anh S chăm sóc cháu Nguyễn Trà M cho đến khi anh S về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi cháu M, đồng thời bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị H và anh S là cháu Nguyễn Trà M có nguyện vọng được ở với anh S và bà nội.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Đặng Thái L trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trà M cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Nguyễn Trà M cho bà Phùng Thị L1 chăm sóc trong thời gian anh S không có mặt tại Việt Nam. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương, bị đơn anh Nguyễn Văn S có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện chị H và anh S đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh

Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh S. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh S cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà L1 là mẹ đẻ anh S để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh S đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà L1 vẫn thường xuyên liên lạc với anh S và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh S. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh S và bà L1 đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 06/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan, tuy nhiên do tính chất công việc nên anh chị không sống cùng nhau mà thỉnh thoảng mới gặp nhau. Cuối năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không chung thủy với chị, vợ chồng xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Tháng 5/2018 hết hạn hợp đồng chị về nước và về nhà bố mẹ đẻ ở, anh S cũng về phép nhưng vợ chồng không gặp nhau. Sau đó anh chị lại sang Đài Loan tiếp tục lao động, nhưng vợ chồng mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Thông qua gia đình anh S cũng xác định tình cảm không còn, chị H xin ly hôn, anh nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn S có 01 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 01/01/2013. Chị H và anh S hiện đang lao động ở nước ngoài nhưng anh, chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên cháu Nguyễn Trà M vẫn đang ở với bà Phùng Thị L1 ổn định, cháu M có nguyện vọng được ở với anh S và bà L1. Bà L1 không nhận ủy quyền về việc chăm sóc con chung của chị H mà bà nhất trí nhận ủy quyền của anh S, bà có trách nhiệm chăm sóc cháu Nguyễn Trà M cho đến khi anh S về nước. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Trà M cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Nguyễn Trà M cho bà L1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh S không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn S được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 01/01/2013 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S tạm thời không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Nguyễn Trà M cho bà Phùng Thị L1 nuôi dưỡng trong thời gian anh S không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004885 ngày 05/5/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Đặng Thái L nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Phùng Thị L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường